|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | Image\_Question | Question | Choice | Image\_Answer | Explanation |
| Geo\_30\_1 |  | CÂU 1: Dân số nước ta tăng nhanh dẫn đến hiện tượng bùng nổ dân số diễn ra vào thế kỉ nào? A. XVIII. B. XIX. C. XX. D. XXI. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư. Cách giải: Dân số nước ta tăng nhanh dẫn đến hiện tượng bùng nổ dân số diễn ra vào thế kỉ XX. Chọn C. |
| Geo\_30\_2 |  | CÂU 2: Sản lượng lúa nước ta những năm gần đây có xu hướng tăng lên chủ yếu là do A. xen canh các cây hoa màu trên đất trồng lúa B. đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất lúa. C. luân canh các loại cây lương thực trên đất trồng lúa. D. khai hoang, mở rộng diện tích cây trồng. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Sản lượng lúa nước ta những năm gần đây có xu hướng tăng lên chủ yếu là do đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất lúa. Chọn B. |
| Geo\_30\_3 |  | CÂU 3: Đô thị đầu tiên của nước ta là đô thị A. Nam Định. B. Cổ Loa C. Hải Phòng. D. Phú Xuân. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Đô thị hóa. Cách giải: Đô thị đầu tiên của nước ta là đô thị Cổ Loa. Chọn B. |
| Geo\_30\_4 |  | CÂU 4: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có số dân trên một triệu người? A. Vĩnh Long. B. Việt Trì. C. Tuy Hòa. D. Hải Phòng. | D |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 15. Cách giải: Đô thị có số dân trên một triệu người Hải Phòng. Chọn D. |
| Geo\_30\_5 |  | CÂU 5: Cây ăn quả, cây dược liệu, cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đông Nam Bộ. C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Tây Nguyên. | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải:6 Cây ăn quả, cây dược liệu, cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Chọn A. |
| Geo\_30\_6 |  | CÂU 6: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết vùng nông nghiệp nào sau đây không chuyên môn hóa sản xuất mía? A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long. | B |  | Câu 6 (NB): Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 18. Cách giải: Vùng nông nghiệp không chuyên môn hóa sản xuất mía là đồng bằng sông Hồng. Chọn B. |
| Geo\_30\_7 |  | CÂU 7: Cho bảng số liệu: CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ NƯỚC TA (Đơn vị: %) Năm Trồng trọt Chăn nuôi Dịch vụ nông nghiệp 1995 78,1 18,9 3,0 2000 78,2 19,3 2,5 2005 73,5 24,7 1,8 2010 74,5 25,0 1,6 Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1995 – 2010? A. Biểu đồ cột. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ tròn. D. Biểu đồ đường. | B |  | Phương pháp: Nhận dạng biểu đồ. Cách giải: Biểu đồ miền thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1995 – 2010. Chọn B. |
| Geo\_30\_8 |  | CÂU 8: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết vùng kinh tế nào sau đây không giáp biển? A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ. | A |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 17. Cách giải: Tây Nguyên là vùng kinh tế không giáp biển. Chọn A. |
| Geo\_30\_9 |  | CÂU 9: Cho bảng số liệu sau: GIÁ TRỊ XUẤT - NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015 (Đơn vị: Triệu đô la Mỹ) Năm 2010 2013 2014 2015 Xuất khẩu 72 236,7 132 032,9 150 217,1 162 016,7 Nhập khẩu 84 838,6 132 032,6 147 849,1 165775,9 Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào đúng về giá trị xuất – nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010-2015? A. Xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng. B. Xuất khẩu giảm, nhập khẩu giảm. C. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu giảm. D. Xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng. | D |  | Phương pháp: Nhận xét bảng số liệu. Cách giải: Nhận xét đúng về giá trị xuất – nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010-2015 là xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng. Chọn D. |
| Geo\_30\_10 |  | CÂU 10: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, năm 2007 năng suất lúa của nước ta năm 2007 là bao nhiêu tạ/ha? A. 499 tạ/ha. B. 49,9 tạ/ha. C. 50,1 tạ/ha. D. 451 tạ/ha. | B |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 19. Cách giải: Năm 2007 năng suất lúa của nước ta năm 2007 là 49,9 tạ/ha. Chọn B. |
| Geo\_30\_11 |  | CÂU 11: Nguồn thức ăn cho chăn nuôi nào sau đây được lấy từ ngành trồng trọt? A. Hoa màu lương thực. B. Thức ăn chế biến công nghiệp. C. Phụ phẩm ngành thủy sản. D. Đồng cỏ tự nhiên. | A |  | Phương pháp:7 SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Nguồn thức ăn cho chăn nuôi được lấy từ ngành trồng trọt là hoa màu lương thực. Chọn A. |
| Geo\_30\_12 |  | CÂU 12: Ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong sản xuất lương thực ở nước ta là A. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. B. cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. C. đảm bảo an ninh lương thực trong cả nước. D. phục vụ cho xuất khẩu. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong sản xuất lương thực ở nước ta là đảm bảo an ninh lương thực trong cả nước. Chọn C. |
| Geo\_30\_13 |  | CÂU 13: Thế mạnh nông nghiệp ở đồng bằng không phải là A. nuôi trồng thủy sản. B. chăn nuôi gia súc lớn C. cây trồng ngắn ngày. D. thâm canh, tăng vụ | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Thế mạnh nông nghiệp ở đồng bằng không phải là chăn nuôi gia súc lớn. Chọn B. |
| Geo\_30\_14 |  | CÂU 14: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất những loại vật nuôi nào sau đây? A. Lợn, trâu, gia cầm B. Gia cầm, bò, lợn. C. Trâu, lợn, gia cầm D. Trâu, bò, lợn. | B |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 18. Cách giải: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất những loại vật nuôi là gia cầm, bò, lợn. Chọn B. |
| Geo\_30\_15 |  | CÂU 15: Mục đích chính của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa là A. mặt hàng xuất khẩu chủ lực. B. đáp ứng nhu cầu tại chỗ. C. mang tính tự cấp, tự túc. D. tạo ra nhiều nông sản, lợi nhuận. | D |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Mục đích chính của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa là tạo ra nhiều nông sản, lợi nhuận. Chọn D. |
| Geo\_30\_16 |  | CÂU 16: Nhận xét nào sau đây không đúng với đặc điểm lao động nước ta? A. Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên. B. Lực lượng lao động có trình độ cao vẫn còn ít. C. Đội ngũ cán bộ quản lí có kinh nghiệm còn thiếu. D. Đội ngũ công nhân kĩ thuật lành nghề đông đảo. | D |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư. Cách giải: Đội ngũ công nhân kĩ thuật lành nghề đông đảo là sai. Chọn D. |
| Geo\_30\_17 |  | CÂU 17: Yếu tố quan trọng nhất dẫn đến sự khác nhau về phân bố cây chè ở nước ta là A. khí hậu B. địa hình. C. đất đai. D. nguồn nước | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Yếu tố quan trọng nhất dẫn đến sự khác nhau về phân bố cây chè ở nước ta là khí hậu. Chọn A. |
| Geo\_30\_18 |  | CÂU 18: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết loại vật nuôi nào sau đây không được chuyên môn hóa sản xuất ở vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng? A. Trâu. B. Lợn. C. Gia cầm. D. Bò. | A |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 18. Cách giải: Loại vật nuôi không được chuyên môn hóa sản xuất ở vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng là trâu. Chọn A. |
| Geo\_30\_19 |  | CÂU 19: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ dân số nước ta đông? A. Dân số là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế đất nước. B. Có 54 dân tộc sống ở khắp các vùng lãnh thổ đất nước. C. Đứng thứ ba khu vực Đông Nam Á và thứ 13 trên thế giới. D. Nước ta có dân số đông và nguồn lao động dồi dào. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư. Cách giải: Biểu hiện chứng tỏ dân số nước ta đông là đứng thứ ba khu vực Đông Nam Á và thứ 13 trên thế giới. Chọn C. |
| Geo\_30\_20 |  | CÂU 20: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, trong những tỉnh sau đây tỉnh nào có diện tích trồng lúa nhiều nhất? A. Thái Bình. B. Hải Dương. C. An Giang. D. Hậu Giang. | C |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 19. Cách giải: Tỉnh có diện tích trồng lúa nhiều nhất là An Giang. Chọn C. |
| Geo\_30\_21 |  | CÂU 21: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết Tây Nguyên tiếp giáp với các vùng nông nghiệp nào sau đây? A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng. | C |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 18. Cách giải: Tây Nguyên tiếp giáp với các vùng nông nghiệp là Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. Chọn C. |
| Geo\_30\_22 |  | CÂU 22: Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta là A. Tây Nguyên B. Đồng bằng sông Hồng. C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta là đồng bằng sông Hồng. Chọn B. |
| Geo\_30\_23 |  | CÂU 23: Cơ sở thức ăn tự nhiên cho chăn nuôi ở nước ta được đảm bảo tốt hơn nhiều từ A. thức ăn từ chế biển công nghiệp. B. hoa màu lương thực. C. đồng cỏ. D. phụ phẩm của thủy sản. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Cơ sở thức ăn tự nhiên cho chăn nuôi ở nước ta được đảm bảo tốt hơn nhiều từ đồng cỏ. Chọn C. |
| Geo\_30\_24 |  | CÂU 24: Đây là hạn chế lớn nhất của cơ cấu dân số trẻ A. gây sức ép lên vấn đề giải quyết việc làm. B. những người trong độ tuổi sinh đẻ lớn. C. thu nhập bình quân đầu người thấp. D. múc sinh quá cao nên sẽ khó hạ tỉ lệ | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư. Cách giải: Hạn chế lớn nhất của cơ cấu dân số trẻ là gây sức ép lên vấn đề giải quyết việc làm. Chọn A. |
| Geo\_30\_25 |  | CÂU 25: Cho bảng số liệu: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2010 VÀ NĂM 2015 (Đơn vị: tỷ đô la Mỹ) Năm Philippin Singapore Thái Lan Việt Nam 2010 199,6 236,4 340,9 116,3 2015 292,5 292,8 395,2 193,4 Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia, năm 2015 so với năm 2010? A. Singapore tăng ít nhất. B. Thái Lan tăng nhiều nhất. C. Việt Nam tăng nhanh nhất. D. Philippin tăng chậm nhất. | C |  | Phương pháp: Nhận xét biểu đồ. Cách giải: Năm 2015 so với năm 2010, tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam tăng nhanh nhất. Chọn C. |
| Geo\_30\_26 |  | CÂU 26: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết phát biểu nào sau đây không đúng về sự phân bố dân cư Việt Nam? A. Phía tây miền Trung có mật độ dân số cao hơn phía đông. B. Mật độ dân số ở trung du cao hơn mật độ dân số ở miền núi. C. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số đứng đầu cả nước. D. Đồng bằng có một độ dân số cao hơn trung du và miền núi. | A |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 15. Cách giải: Phía tây miền Trung có mật độ dân số cao hơn phía đông là sai. Chọn A. |
| Geo\_30\_27 |  | CÂU 27: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60% (năm 2007)? A. Lai Châu. B. Gia Lai. C. Lâm Đồng. D. Hà Nội. | C |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 20. Cách giải: Tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60% (năm 2007) là Lâm Đồng. Chọn C. |
| Geo\_30\_28 |  | CÂU 28: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây trồng nhiều cây cà phê nhất nước ta? A. Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ. C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Đông Nam Bộ. | A |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 18. Cách giải: Vùng trồng nhiều cây cà phê nhất nước ta là Tây Nguyên. Chọn A. |
| Geo\_30\_29 |  | CÂU 29: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết vùng nông nghiệp nào sau đây có diện tích đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây hàng năm lớn nhất? A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên. B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long. C. Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ. | B |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 18. Cách giải: Vùng nông nghiệp có diện tích đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây hàng năm lớn nhất là Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long. Chọn B. |
| Geo\_30\_30 |  | CÂU 30: Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh trong giai đoạn mới của đất nước? A. Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO. B. Nền kinh tế thị trường phát triển. C. Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995. D. Chiến tranh kết thúc, hòa bình được lập lại ở hai miền. | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh trong giai đoạn mới của đất nước là năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO. Chọn A. |
| Geo\_30\_31 |  | CÂU 31: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất cả nước năm 2007? A. Kiên Giang. B. Bạc Liêu. C. Đồng Tháp. D. An Giang. | D |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 20. Cách giải: Tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất cả nước năm 2007 là Đồng Tháp. Chọn D. |
| Geo\_30\_32 |  | CÂU 32: Xu hướng nổi bật của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là A. phát triền mạnh dịch vụ thú y và giống B. ứng dụng khoa học kĩ thuật. C. tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa D. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Xu hướng nổi bật của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa. Chọn C. |
| Geo\_30\_33 |  | CÂU 33: Cho bảng số liệu sau: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1950 – 2003 Sản phẩm 1950 1960 1980 1990 2003 Than (triệu tấn) 1820 2603 3770 3387 5300 Dầu mỏ (triệu tấn) 523 1052 3066 3331 3904 Điện (tỉ kwh) 967 2304 8247 11832 14851 Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất sản phẩm công nghiệp dầu mỏ, than và điện của thế giới, giai đoạn 1950 – 2003? A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ cột C. Biểu đồ miền. D. Biểu đồ đường. | D |  | Phương pháp: Nhận biết biểu đồ. Cách giải: Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất sản phẩm công nghiệp dầu mỏ, than và điện của thế giới, giai đoạn 1950 – 2003 là biểu đồ đường. Chọn D. |
| Geo\_30\_34 |  | CÂU 34: Cơ cấu thành phần kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo hướng A. Tăng tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước. B. Giảm tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. C. Giảm dần tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh tỉ trọng. | D |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải:11 Cơ cấu thành phần kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo hướng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh tỉ trọng. Chọn D. |
| Geo\_30\_35 |  | CÂU 35: Loại cây công nghiệp dài ngày mới trồng nhưng đang phát triển mạnh ở Tây Bắc là A. Cà phê chè. B. Bông. C. Cao su. D. Chè. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Loại cây công nghiệp dài ngày mới trồng nhưng đang phát triển mạnh ở Tây Bắc là bông. Chọn B. |
| Geo\_30\_36 |  | CÂU 36: Dân số nước ta phân bố không đều đã ảnh hưởng xấu đến A. nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. B. khai thác tài nguyên và sử dụng nguồn lao động. C. vấn đề giải quyết việc làm. D. việc phát triển giáo dục và y tế. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư. Cách giải: Dân số nước ta phân bố không đều đã ảnh hưởng xấu đến khai thác tài nguyên và sử dụng nguồn lao động. Chọn B. |
| Geo\_30\_37 |  | CÂU 37: Nơi nào sau đây thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước ngọt? A. Bãi triều. B. Đầm phá. C. Ô trũng đồng bằng. D. Rừng ngập mặn. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Nơi thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước ngọt là ô trũng đồng bằng. Chọn C. |
| Geo\_30\_38 |  | CÂU 38: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm? A. Lâm Đồng. B. Hà Giang. C. Hà Tĩnh. D. Hậu Giang. | A |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 19. Cách giải: Tỉnh có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm là Lâm Đồng. Chọn A. |
| Geo\_30\_39 |  | CÂU 39: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển Vân Đồn thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây? A. Nam Định. B. Quảng Ninh. C. Thái Bình. D. Hải Phòng. | B |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 17. Cách giải: Khu kinh tế ven biển Vân Đồn thuộc Quảng Ninh. Chọn B. |
| Geo\_30\_40 |  | CÂU 40: Hình thành các vùng chuyên canh đã thể hiện A. Cơ cấu cây trồng đang được đa dạng hoá cho phù hợp với nhu cầu thị trường. B. Sự thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp. C. Sự khai thác có hiệu quả hơn nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta. D. Sự phân bố cây trồng cho phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp. | D |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí kinh tế. Cách giải: Vùng chuyên canh là hình thức chuyên môn hóa trong sản xuất nông nghiệp: => Đẩy mạnh phát triên một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu phù hợp nhất với các đk tự nhiên của vùng → nhằm khai thác có hiệu quả nhất thế mạnh tự nhiên của vùng, mang lại hiệu quả sx cao. → Hình thành các vùng chuyên canh đã thể hiện sự phân bố cây trồng cho phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp. Chọn D. |